

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08-9-2020.

V/v tranh chấp ly hôn,
chia tài sản khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Minh

2. Bà Trần Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Hải Âu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXX-ST ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Tấn L, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Đinh Thị T, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Mai Kim H, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Tấn L trình bày: Anh và chị Đinh Thị T kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/5/2018. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên đã ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Anh nhận thấy đã không còn tình cảm vợ chồng với chị T nên yêu cầu được ly hôn với chị T. Anh và chị T không có con chung, tài sản chung tự thỏa thuận, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đinh Thị T trình bày: Chị thừa nhận quá trình kết hôn đúng như anh L trình bày, tuy nhiên mâu thuẫn gia đình là do sau khi kết hôn khoảng một năm thì chị bị bệnh nên về nhà cha mẹ ruột ở, lúc đầu anh L còn quan tâm, có rước về nhưng sau đó chị lại phát bệnh lần 2 và sau khi về nhà cha mẹ ruột ở thì anh L không còn quan tâm, thăm hỏi; khi cha mẹ chị liên hệ thì gia đình bên chồng cho hay anh L đã nộp đơn ly hôn. Nay anh L yêu cầu ly hôn, chị đồng ý vì vợ chồng đã không còn tình cảm. Chị và anh L không có con chung. Về tài sản chung có số vàng cưới 10 chỉ, loại vàng 24k, đồng thời vợ chồng có tham gia 01 dây hui, số tiền hót hui là 56.000.000đồng; vàng và tiền hui do mẹ chồng chị bà Mai Kim H giữ, tuy nhiên, bà H cho rằng toàn bộ số vàng đã bán được 45.000.000đồng, đối với tiền hui bà thừa nhận số tiền hui đã đóng hui là 52.000.000đồng, do vậy, chị yêu cầu chia tài sản chung gồm giá trị vàng cưới 20.000.000đồng và số tiền hui 26.000.000đồng; tổng cộng là 46.000.000đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Kim H trình bày: Bà là mẹ ruột của anh Nguyễn Tấn L, mẹ chồng của chị Đinh Thị T. Bà thừa nhận có số vàng cưới như chị T trình bày, bà đã bán số vàng cưới được 45.000.000đồng; riêng số tiền hui bà thừa nhận số tiền L, T đóng hui là 52.000.000đồng, bà đã hót hui nhưng do hót hui giữa chừng nên số tiền hui được giao chỉ có 50.000.000đồng, số tiền này bà đã giao lại cho anh Lợi để lo tiền trị bệnh cho L và T. Nay bà chỉ đồng ý trả lại chị T giá trị vàng cưới 20.000.000đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Tấn L vắng mặt, có đơn xin vắng mặt; bị đơn chị Đinh Thị T đồng ý ly hôn với anh L và giữ nguyên yêu cầu về việc chia tài sản chung là giá trị vàng cưới 20.000.000đồng và thống nhất với bà H về số tiền hui 50.000.000đồng, chị yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ số tiền này, tương đương 25.000.000đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Kim H tự nguyện trả lại chị T giá trị vàng cưới 20.000.000đồng.

Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Tấn L, ghi nhận anh Nguyễn Tấn L, chị Đinh Thị T thuận tình ly hôn; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị T, ghi nhận bà Mai Kim H trả cho chị T giá trị vàng 20.000.000đồng và buộc anh L chia cho chị T số tiền hui 25.000.000đồng; buộc anh L, chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Tấn L yêu cầu ly hôn với bị đơn Đinh Thị T; chị Đinh Thị T yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa chị với anh Nguyễn Tấn L; bị đơn chị T có nơi cư trú (hộ khẩu thường trú) tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Nguyễn Tấn L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tấn L và chị Đinh Thị T sống chung có đăng ký kết hôn năm 2018, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình sống chung giữa anh, chị xảy ra mâu thuẫn trong vấn đề tình cảm. Anh, chị thừa nhận mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn sự quan tâm, thương yêu, chăm sóc từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Nay anh Lợi xin ly hôn và chị T đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh L, ghi nhận anh L, chị T thuận tình ly hôn.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Tấn L và chị Đinh Thị T xác định anh, chị không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T yêu cầu chia tài sản chung gồm giá trị vàng cưới 20.000.000đồng và số tiền hụi 25.000.000đồng, tổng cộng 45.000.000đồng. Xét yêu cầu này, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[5.1] Xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân: Tại bản tự khai ngày 16/8/2020 (bút lục 30), anh L thừa nhận số vàng cưới gồm 10 chỉ vàng 24k, 03 chỉ vàng 18k và số tiền hụi anh và chị T đã hót hụi là 50.000.000đồng; chị T thống nhất số vàng cưới là 10 chỉ vàng 24k, 03 chỉ vàng 18k và số tiền hụi 50.000.000đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của anh L và chị T là 10 chỉ vàng 24k, 03 chỉ vàng 18k và số tiền hụi 50.000.000đồng.

[5.2] Xét yêu cầu chia tài sản của chị T: Chị T yêu cầu chia giá trị vàng cưới 20.000.000đồng. Bà H thừa nhận bà là người giữ số vàng và đồng ý chia lại cho chị T giá trị vàng cưới 20.000.000đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia giá trị vàng 20.000.000đồng của chị T và ghi nhận bà H tự nguyện giao trả cho chị T 20.000.000đồng. Ngoài ra, chị T yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ số tiền hụi 50.000.000đồng, tương đương 25.000.000đồng, anh L thừa nhận số tiền hót hụi của vợ chồng là 50.000.000đồng và thừa nhận anh là người giữ số tiền này nên chị T yêu cầu anh L chia $\frac{1}{2}$ số tiền hụi tương đương 25.000.000đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh L phải chia cho chị T số tiền hụi 25.000.000đồng. Đối với số vàng cưới 03 chỉ, loại vàng 18k do chị T giữ, bà H thống nhất cho chị T và anh L, chị T không yêu cầu giải quyết số vàng này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.3] Xét ý kiến của anh Nguyễn Tấn L, bà Mai Kim H cho rằng số tiền hụi 50.000.000đồng, anh L đã sử dụng vào việc điều trị bệnh cho anh L, chị T nhưng

anh L, bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình là có căn cứ nên ý kiến này của anh L, bà H không được chấp nhận.

[6] Về nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Tấn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí chia tài sản; chị Đinh Thị T phải chịu án phí chia tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận anh Nguyễn Tấn L và chị Đinh Thị T thuận tình ly hôn.

2. Về tài sản chung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị T.

Xác định tài sản chung của anh Nguyễn Tấn L và chị Đinh Thị T là: 10 chỉ vàng 24k có giá trị 45.000.000đồng và số tiền hụi 50.000.000đồng.

Chia cho anh Nguyễn Tấn L giá trị vàng cưới 25.000.000đồng và số tiền hụi 25.000.000đồng; tổng cộng 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Chia cho chị Đinh Thị T giá trị vàng cưới 20.000.000đồng và số tiền hụi 25.000.000đồng; tổng cộng 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng.

Ghi nhận bà Mai Kim H giao trả cho chị Đinh Thị T giá trị vàng 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc anh Nguyễn Tấn L chia cho chị Đinh Thị T số tiền hụi 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Đinh Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Tấn L, bà Mai Kim H chậm thi hành việc giao tiền thì anh L, bà H còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Tấn L phải chịu 300.000đồng án phí trong vụ án ly hôn và 2.500.000đồng án phí chia tài sản được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 20453 ngày 22/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nên anh Nguyễn Tấn L còn phải nộp tiếp 2.500.000đồng.

Chị Đinh Thị T phải chịu 2.250.000đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 1.260.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 20489 ngày 10/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nên chị Đinh Thị T còn phải nộp tiếp 990.000đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Đinh Thị T, bà Mai Kim H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Tấn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- UBND xã H, TP, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Kim Hương